

**TÒA ÁN N DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2018

V/v tranh chấp hôn N và gia đình, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**N DANH**

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Ông Phan Trọng Điền;

2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án N dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Tiên Dũng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về “tranh chấp hôn N và gia đình, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 43/2018/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐHPT-HN ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Thành N, sinh năm 1987, địa chỉ: số 192, tổ 12, khóm XB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1986, địa chỉ: số 12, khóm VT1, phường NS, thành phố CD, tỉnh An Giang.

3. *Người có nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Sỹ X, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: tổ 14, khóm VT, phường NS, thành phố CD, tỉnh An Giang.

Anh N, chị H, ông X đều có mặt tại phiên tòa; bà C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Thành N trình bày: Theo Bản án số 23/2016/HNGĐ-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án N dân huyện TB quyết định Nguyễn Thị Mai H và anh được ly hôn, H được quyền trực tiếp nuôi dạy con chung tên Trần Nguyễn Kim L, sinh ngày 29/12/2012 và Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/01/2015. Sau ly hôn, khoảng đầu tháng 11/2017, N có đến gia đình H thăm 02 con chung thì gia đình H không ngăn cản. Nhưng khi N đề cập với cha mẹ H (ông Nguyễn Sỹ X và bà Nguyễn Thị C) cho N chở 02 con chung đi chơi và về gia đình cha mẹ của N ở huyện TB, tỉnh An Giang chơi với ông bà nội vài ngày thì bà C không đồng ý nên N và bà C cãi nhau. Ngày 14/11/2017, N gửi đơn đến Ủy ban nhân dân phường NS và được hòa giải. Do H không trực tiếp nuôi 02 con chung, N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu H cấp dưỡng cho các con. Hiện tại, N làm nghề lái xe (tuyến huyện TB – thành phố HCM), thu nhập khoảng 7.500.000 đồng/tháng. Nếu được nuôi 02 con chung, N sẽ đưa 02 con chung L và K về huyện TB, tỉnh An Giang nhờ cha mẹ của N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Ngoài ra, N còn khai, từ sau khi ly hôn, L và K sống chung với H và gia đình cha mẹ H tại tổ 14, khóm VT, phường NS, CD, tỉnh An Giang, N chỉ đến thăm hai con một lần. Cuộc sống của L và K được đầy đủ, ổn định và được đi học.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, N cung cấp cho Tòa án các bản sao Biên bản làm việc ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường NS, Bản án số 23/2016/HNGĐ-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh An Giang.

- Theo bản tự khai ngày 22/12/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị Mai H khai: Chị và anh Trần Thành N đã ly hôn và các con chung như anh N trình bày. Sau ly hôn, 02 con chung L và K sống cùng với H và ông bà ngoại (ông Nguyễn Sỹ X và bà Nguyễn Thị C). H đang làm việc tại Công ty FOSTR (điện tử) thuộc tỉnh Bình Dương, thu nhập 7.600.000 đồng/tháng, L và K được gia đình H chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, được học tập tốt. H thường xuyên về nhà thăm và chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Không đồng ý theo yêu cầu của anh N.

Ngoài ra, H còn khai, môi trường sống bên gia đình anh N không tốt, cha mẹ N và N đều không đủ điều kiện nuôi các con, N đang làm nghề lái xe. Từ khi ly hôn, N đến thăm con chung 01 lần, cha mẹ H không ngăn cản N thăm con chung.

H đã cung cấp cho Tòa án bản chính giấy xác nhận ngày 21/12/2017, xác nhận H là công N tại công ty TNHH Điện tử Foster (Việt Nam) từ ngày 10/11/2016 đến nay, có thu nhập 7.132.000 đồng; Tờ cam kết ngày 03/11/2015 của N.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 06/4/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Sỹ X và bà Nguyễn Thị C khai: Ông X và bà C là cha mẹ ruột của H. Sau khi H và N ly hôn, 02 con chung của H và N là Trần Nguyễn Kim L và Trần Nguyễn Đăng K do ông X, bà C nuôi dưỡng, H đi làm nhưng vẫn thường xuyên về chăm sóc các con và gửi tiền mỗi tháng 4.000.000 đồng để ông X, bà C nuôi dưỡng, chăm sóc và đi học. Từ ngày N và H ly hôn đến nay, N chỉ đến thăm các con chung một lần vào khoảng đầu năm 2017 (không nhớ ngày, tháng), ông X và bà C có mời N vào nhà, tạo điều kiện cho N thăm con chung. Sau đó, N yêu cầu đưa các cháu về gia đình của N ở huyện TB ở vài ngày thì bà C không đồng ý do các cháu còn nhỏ, đang đi học, chưa có ý kiến của H, N thì làm tài xế lái xe không có thời gian chăm sóc các cháu. Mặt khác, môi trường sống của gia đình N không tốt. Vì vậy, N lớn tiếng và có lời lẽ xúc phạm ông bà. Ông X, bà C xác định, có tạo điều kiện cho N thăm con chung, không ngăn cản N đến thăm nom, chăm sóc giáo dục 02 con chung của N và H.

*Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:* Biên bản xác minh ngày 30/3/2018 tại ban khóm VT1, phường NS, thành phố CĐ; Biên bản xác minh ngày 30/3/2018 tại ban khóm XB, thị trấn TB, huyện TB.

Tòa án đã mở phiên hòa giải, giữa các đương sự nhưng không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về chấp hành pháp luật tố tụng,

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ, lời khai các đương sự tại phiên tòa, Bản án số 23/2016/HNGĐ-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án N dân huyện TB cho Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với Trần Thành N theo đơn khởi kiện của bà H. Bà H được quyền nuôi dạy 02 con chung tên Trần Nguyễn Kim L, Trần Nguyễn Đăng K và N có quyền thăm nom, chăm sóc 02 con chung.

Anh N khai, H đi làm ở tỉnh Bình Dương, không trực tiếp nuôi 02 con chung, N yêu cầu được thay đổi người nuôi con để N chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu H cấp dưỡng, H có quyền thăm nom, chăm sóc 02 con chung.

Điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định

Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con” theo xác minh thì gia đình H tại NS có kinh tế tại gia đình ổn định có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc tốt 02 cháu L và K. Hiện nay 02 cháu đang sống với ông bà ngoại, H đi làm, 02 cháu được đi học đúng tuổi phát triển tốt. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Trần Thành N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Anh Trần Thành N khởi kiện tranh chấp hôn N và gia đình yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai H, địa chỉ: số 12, khóm VT1, phường NS, thành phố CD, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CD theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

#### *Về nội dung:*

[1] Về thăm nom con chung:

Bản án số 23/2016/HNGĐ-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện TB, quyết định Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với Trần Thành N, H được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Trần Nguyễn Kim L, sinh ngày 29/12/2012 và Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/01/2015. N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N, chị H, bà C đồng thống nhất khai, từ khi ly hôn theo bản án nêu trên, anh N chỉ đến gia đình H thăm các con chung một lần (ngày, tháng không nhớ, năm 2017). Gia đình H có tạo điều kiện cho anh N thăm các con chung. Nhưng khi anh N đề cập với cha mẹ H (ông X và bà C) cho N chở 02 cháu đi chơi và về gia đình cha mẹ của N ở huyện TB, tỉnh An Giang chơi với ông bà nội vài ngày thì bà C không đồng ý. Từ đó, anh N và bà C cãi nhau, N có gửi đơn và được Ủy ban N dân phường hòa giải.

Biên bản lời khai ngày 29/3/2017, biên bản đối chất, biên bản hòa giải, tại phiên tòa, anh N khai từ khi ly hôn với chị H, anh chỉ đến thăm con chung một lần, gia đình chị H (ông X và bà C) không cản trở anh đến thăm con. Do đó, chị H, ông X, bà C là người trực tiếp nuôi con chung của H và N đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung:

Sau khi ly hôn với anh N, chị H cùng 02 cháu L và K về chung sống với cha mẹ H (ông X và bà C) tại khóm VT1, phường NS, thành phố CD.

Anh N khai, H không trực tiếp nuôi dạy các con chung, anh là tài xế xe khách tuyến đường CD – thành phố HCM, thu nhập 7.500.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con. Yêu cầu được nuôi dạy các con chung và sẽ đưa 02 cháu về sống cùng với ông bà nội (cha mẹ ruột N) tại khóm XB, thị trấn TB, huyện TB và nhờ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Chị H không đồng ý theo yêu cầu của anh N và cho rằng, anh N làm tài xế cũng không trực tiếp nuôi các con chung; môi trường sống bên gia đình anh N không tốt, không dạy các con để các con có lời lẽ thô tục. Chị đi làm tại Công ty FOSTR (điện tử) thuộc tỉnh Bình Dương, nhưng thường xuyên về nhà chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; hàng tháng chị thu nhập 7.132.000 đồng/tháng, mỗi tháng H gửi 4.000.000 đồng để ông X và bà C nuôi các con chung; ông X và bà C có điều kiện tốt, đủ thu nhập, môi trường sống lành mạnh. Hiện tại, các cháu có cuộc sống đầy đủ, ổn định, được đi học.

Biên bản xác minh Ban khóm XB ngày 30/3/2018, anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 12, khóm XB, huyện TB, tỉnh An Giang, sống cùng với cha, mẹ và em trai. Điều kiện kinh tế chỉ đủ chỉ đủ cho từng thành viên, không có thu nhập ổn định. Hiện nay, N làm nghề lái xe tại thành phố CD, không thường xuyên về nhà. N đi làm xa nhà nên điều kiện nuôi con chung không đảm bảo.

Biên bản xác minh khóm VT1 ngày 30/3/2018, mỗi người trong gia đình của H đều có nghề nghiệp, kinh tế ổn định; có đạo đức và sống tốt tại địa phương. Thời gian qua, các thành viên trong gia đình của H nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục các cháu L và K rất tốt và được đi học tại Trường Mầm non Ánh Dương thuộc phường NS, thành phố CD.

Anh N và chị H đều đi làm xa, có thu nhập ổn định; anh N cho rằng nếu được thay đổi nuôi con chung, anh phải nhờ các thành viên trong gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Từ khi chị H và anh N ly hôn cho đến nay, 02 cháu L và K sống với chị H, cùng các thành viên trong gia đình H và được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trong môi trường lành mạnh, các cháu có cuộc sống ổn định, được đi học. Cháu L và K sống chung có sự yêu thương, quý mến nhau, không nên xáo trộn cuộc sống của 02 cháu.

[3] Xét, bác yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thành N đối với chị Nguyễn Thị Mai H về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Do bác yêu cầu của anh N nên không đề cập xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Án phí: Anh Trần Thành N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Mai H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*(Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều khoản 2 Điều 83, khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thành N đối với chị Nguyễn Thị Mai H về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

*Về án phí:*

Anh Trần Thành N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0014977 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CD.

Chị Nguyễn Thị Mai H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N, chị H, ông X có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng bà C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP. CD(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TP. CD (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Huỳnh Thị Bạch Tuyết**

